TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2023
V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương.
Ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 10/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX-ST ngày 02/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐ-ST ngày 22/02/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị N, S năm: 1991. (vắng mặt).
ĐKHKTT: Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B.
Nơi ở: Tầng 1, số 9, ngõ 291, đường Songde, quận Xinyi, thành phố Đ B, Đ L.
*+ **Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án của nguyên đơn chị Phạm Thị N*** là ông: Phạm Tiến H.
Địa chỉ: Số 32 Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
***Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn L, (tên gọi khác: Nguyễn Hai L), S năm: 1986. (vắng mặt).
ĐKHKTT: Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B.
Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn L ở Việt Nam là Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Lý Thị S, S năm: 1967. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 14/10/2022 và bản tự khai bổ sung ngày 29/12/2022 nguyên đơn là chị Phạm Thị N (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đ B) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L có kết hôn ngày 03/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau. Đến ngày 24/5/016 thì chị sang nước ngoài S sống và làm việc, vợ chồng bắt đầu phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự khác biệt lớn về tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề, hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh Chi. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N còn trình bày: Hiện nay anh L vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị từ lâu đã không liên lạc được với anh L. Chị đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ cụ thể của anh L để giải quyết vụ án.

Do chị đang S sống và làm việc tại Đ L nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh L được, nên chị đề nghị Tòa

án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh L. Chị cũng ủy quyền cho anh Phạm Tiến H, S năm 1999, địa chỉ: Số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, trích lục bản án và thông báo cho chị biết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L không có bản tự khai.

Ngày 05/01/2023 và ngày 13/01/2023 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L là bà Lý Thị S, S năm 1967, trú tại: Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B: Để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà S thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L; yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Tuy nhiên qua hai lần làm việc bà S vẫn giữ nguyên quan điểm là anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại và qua mạng xã hội nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh L, đồng thời bà cũng không đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh L biết để anh L gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh L gửi về.

Tại đơn đề nghị và biên bản lấy lời khai bà Lý Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn L là bà nội của cháu Nguyễn Quỳnh Chi. Anh L và chị N kết hôn năm 2014 và có con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, và đến tháng 4/2016 thì chị N đi xuất khẩu lao động, từ đó đến nay cháu Chi vẫn ở với bà, đến tháng 5/2022 thì anh L đi nước ngoài tới nay cháu Chi vẫn ở với bà, cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai bà là anh Nguyễn Văn L vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Quỳnh Chi.

Tại đơn đề nghị và biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Quỳnh Chi trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn L và mẹ Phạm Thị N, hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn L và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với bố cháu là Nguyễn Văn L và ông bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phạm Thị N; Biên bản làm việc với mẹ đẻ anh L là bà Lý Thị S, đơn đề nghị của cháu Nguyễn Quỳnh Chi và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh L không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh L; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015 cho anh Nguyễn Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao cho bà Lý Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015 trong thời gian anh L ở nước ngoài.

Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị N không yêu cầu. Chị Phạm Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Về án phí : Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh L là bà Lý Thị S để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà S thông báo cho anh L biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L; Yêu cầu anh L viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà S cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Bà Lý Thị S trình bày: Anh L ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà S vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh L cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Lành biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh L theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly anh Nguyễn Văn L, anh L hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 28326/QLXNC-P5 ngày 23/12/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh L đã xuất cảnh ngày 15/5/2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh L ở Việt Nam là: Thôn Chiềng, xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về quan hệ Hôn nhân**: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 03/6/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, Hện Y T, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày: Sau khi kết hôn xong vợ chồng về chung sống với nhau được một thời gian ngắn. Đến ngày 24/5/016 thì chị sang nước ngoài S sống và làm việc, vợ chồng bắt đầu phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự khác biệt lớn về tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh

cãi khiến cuộc sống hôn nhân hết sức nặng nề, hai bên đã nhiều lần tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh L chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì chị N đi xuất khẩu lao động, kể từ đó vợ chồng phát S mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng sống xa nhau đã lâu ngày đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng độc lập về kinh tế và không còn liên lạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ngà và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[**4]. Về con chung**: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015. Ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị N đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu Nguyễn Quỳnh Chi hiện nay đang ở cùng với anh Nguyễn Văn L và mẹ đẻ anh Nguyễn Văn L và bà Lý Thị S. Kể từ khi anh L đi nước ngoài thì cháu Nguyễn Quỳnh Chi vẫn do bà S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, anh L vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để chăm sóc cháu, thường xuyên liên lạc về hỏi thăm và động viên cháu và cháu Nguyễn Quỳnh Chi có nguyện vọng được ở với bố và bà nội là Lý Thị S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N về nuôi con chung. Giao cho anh Nguyễn Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Quỳnh Chi cho bà Lý Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh L ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phạm Thị N về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] .Về tài sản, công nợ: Chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn L (Tức Nguyễn Hai L).

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quỳnh Chi, S ngày 14/3/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho Lý Thị S trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh Chi trong thời gian anh Nguyễn Văn L ở nước ngoài.

Chị Phạm Thị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phạm Thị N về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000779 ngày 22/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Phạm Thị N đã nộp đủ.

4.**Về quyền kháng cáo bản án**: Chị Phạm Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn L hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phương **Nguyễn Đức Kha** **Trần Thị Hà**

Nơinhận:
-VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Tân Sỏi, Y T, B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Tại trụ sở TAND tỉnh B.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương

Ông Nguyễn Đức Kha

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Giữa:*

***Nguyên đơn**: Anh Lê Quang Sơn; S năm : 1984

Địa chỉ: Thôn Bản Mùi Phú, xã Kiên Thành, Hện Lục Ngạn, tỉnh B.

***Bị đơn**: Chị Phùng Thị Ním; S năm : 1992

Địa chỉ: Thôn Bản Mùi Phú, xã Kiên Thành, Hện Lục Ngạn, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của chị Phùng Thị Ním ở Việt Nam là Thôn Bản Mùi Phú, xã Kiên Thành, Hện Lục Ngạn, tỉnh B**.**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Lê Quang Sơn được ly hôn với chị Phùng Thị Ním.

2.Về con chung: Giao cho anh Lê Quang Sơn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Quang Hà, S ngày 13/12/2015 đến khi

con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phùng Thị Ním có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ním thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phùng Thị Ním về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy đinh tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Lê Quang Sơn phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000717 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Lê Quang Sơn đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lê Quang Sơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phùng Thị Ním hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 01 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Hồng Phương	**Nguyễn Đức Kha**	**Nguyễn Trung Thông**